

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**
Bản án số: 55/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24-8-2020
V/v Tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thường

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải;

2. Ông Đặng Ngọc Thương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền

Ngày 24 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 278/2020/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07-8-2020, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Diệu H, sinh năm 1981

Hộ khẩu thường trú: B29 Khu tập thể B, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ hiện nay: 131 đường X, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Đỗ Văn M, sinh năm 1978

Hộ khẩu thường trú và địa chỉ hiện nay: B29 Khu tập thể B, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 06-02-2020 và quá trình làm việc, nguyên đơn bà Nguyễn Diệu H trình bày:

Bà H và ông Đỗ Văn M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004. Nhưng đến năm 2014, bà H và ông M mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu ngày 23-6-2014. Sau khi chung sống, thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng chỉ được một thời gian thì vợ chồng thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống và vấn đề kinh tế gia đình. Ông M thường hay nhậu nhẹt đến khuya; gây nợ nần riêng nhưng khi bà H hỏi lý do thì ông M cố tình lẩn tránh, có khi trả lời là do cho bạn bè vay mượn, có khi nói do làm ăn thua lỗ... Trong cuộc sống gia đình, ông M không có sự quan tâm, trách nhiệm với vợ con nên mọi lo toan trong gia đình đều do bà H gánh vác. Giữa năm 2019, mâu thuẫn vợ chồng lên đến đỉnh điểm, thường xuyên cãi vã nhau, không khí gia đình căng thẳng, con cái cũng bị ảnh hưởng tâm lý. Từ đầu năm 2019 đến nay, hai vợ chồng đã sống ly thân mỗi người sống một nơi. Nay bà H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với ông M.

Về con chung: Bà H và ông M có 02 (hai) con chung là cháu Đỗ Nguyễn Yến N, sinh ngày 23-10-2004 và cháu Đỗ Nguyễn Ngọc N, sinh ngày: 24-12-2014. Bà H có nguyện vọng được nuôi cả hai con, bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên do điều kiện công việc không bố trí được thời gian nên bà H đã làm đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bị đơn ông Đỗ Văn M mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Nguyễn Diệu H yêu cầu ly hôn với ông Đỗ Văn M có địa chỉ cư trú tại thành phố V. Căn cứ Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đỗ Văn M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông M là phù hợp quy định pháp luật.

Trước khi tiến hành xét xử vụ án, bà H có Đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân:

Bà Nguyễn Diệu H và ông Đỗ Văn M tự nguyện tìm hiểu, chung sống có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét về tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông M thì thấy: Theo bà H thì nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình, quan điểm sống trái ngược nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã với nhau. Ngoài ra do ông M không quan tâm, chăm sóc đến vợ con và vay nợ nhiều người không cho bà H biết, làm cho kinh tế gia đình ảnh hưởng. Nhiều lần bà H đã cố gắng khuyên nhủ nhưng ông M không nghe khiến cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Hiện nay hai vợ chồng không còn sống chung và đã sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc đến nhau.

Theo xác minh tại địa phương thì trong quá trình chung sống bà H và ông M có xảy ra mâu thuẫn nhưng nguyên nhân cụ thể thì địa phương không nắm được. Hiện nay bà H và 02 (hai) con đã chuyển đến nơi khác sinh sống, không sống chung cùng ông M.

Tại phiên tòa, bà H xác định không còn tình nghĩa vợ chồng đối với ông M, từ đầu năm 2019 đến nay hai bên không còn sống chung và đã sống ly thân với nhau cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc đến nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn xảy ra trong quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông M là có thật, vợ chồng cũng cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không có khả năng hàn gắn tình cảm. Do vậy, mâu thuẫn hôn nhân là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Diễm là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Bà H và ông M có 02 (hai) con chung là cháu Đỗ Nguyễn Yến N, sinh ngày 23-10-2004 và cháu Đỗ Nguyễn Ngọc N, sinh ngày:

24-12-2014. Xét thấy, hiện nay cháu cả hai cháu đang sống cùng bà H, từ khi bà và ông M ly thân đến nay cháu Yến N và Ngọc N do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại phiên tòa bà H có nguyện vọng tiếp tục nuôi 02 (hai) con đến trưởng thành, phù hợp với có nguyện vọng được sống cùng mẹ của cháu Yến N. Để tránh cuộc sống hiện tại của các cháu không bị xáo trộn, không làm ảnh hưởng đến tâm lý và ổn định việc học của các cháu, nên cần tiếp tục giao cháu Yến N và Ngọc N cho bà H được quyền nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận ý kiến của bà Nguyễn Diệu H không yêu cầu ông Đỗ Văn M cấp dưỡng.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí : Bà H phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Diệu H đối với ông Đỗ Văn M.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Diệu H ly hôn với ông Đỗ Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Nguyễn Yến N, sinh ngày 23-10-2004 và cháu Đỗ Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 24-12-2014 cho bà Nguyễn Diệu H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 (hai) con chung, bà H không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi 02 con. Ông Đỗ Văn M được quyền lui tới thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Diệu H phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001545 ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố V.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử lại

theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP.V;
- Chi cục THADS TP.V;
- TAND tỉnh BRVT;
- UBND xã V,
- huyện H, tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRỊNH THỊ THUỜNG